

Bản án số: 12/2023/DS-PT

Ngày 09 - 3-2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Lê Văn Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Đình Nam – Sinh năm: 1968 và bà Hoàng Thị B – Sinh năm: 1970;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H3 - Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh Huy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M – Sinh năm: 1952;

.....Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

...3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H – Sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

4. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt

- Ông Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

- Ông Ngô Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C1, tỉnh Hà Tĩnh – vắng mặt.

- Ông Ngô Văn H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Đội 1, xã C, huyện C1, tỉnh Hà Tĩnh – vắng mặt.

- Ông Vũ Đình C; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Đình N, bà Hoàng Thị B trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông N, bà B khai hoang được 01 thửa đất rẫy tại thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành cũ (*nay là tổ dân phố 9, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông*), cũng trong năm 1990 ông bà trồng cà phê trên đất và nhiều cây lâu năm khác. Đến năm 1995, vợ chồng ông N, bà B được cấp giấy chứng nhận quyền đất khoảng một nửa diện tích đất đã khai phá. Diện tích đất còn lại trên đất có trồng cây cà phê và làm nhà cấp 4 vào năm 2013. Đến năm 2013 vợ chồng ông N, bà B mới tiến hành đo đạc và lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền đất, đất có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường Phan Bội Châu dài khoảng 30m; phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị H dài khoảng 30m; phía N giáp đất của ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị H dài khoảng 38m; phía Bắc giáp đất của ông N, bà B dài khoảng 385m. Tổng diện tích là 1.095m².

Ngày 18/5/2013 ông N, bà B có làm đơn đề nghị Xí nghiệp Lâm nghiệp Nghĩa Tín - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Gia Nghĩa xác nhận (*viết tắt là Xí nghiệp*). Ông Vũ Đình C là giám đốc có ký xác nhận vào đơn thể hiện diện tích đất còn lại trên là của vợ chồng ông N, bà B và không thuộc đất rừng (*rừng thông*). Tại Biên bản kiểm tra thực địa ngày 21/6/2017 thể hiện sơ đồ diện tích đất của ông N, bà B được bà Lê Thị H (*vợ ông M*) ký xác nhận ranh mốc.

Quá trình làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua đo đạc, kiểm tra xác định được diện tích đất còn lại nằm trên đất của ông N, bà B là thửa đất số 782, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.511m², tọa lạc tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa (*nay là thành phố Gia Nghĩa*), tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, khi đo đạc, giải thửa, ông Nguyễn Văn M là người sử dụng đất liền kề không ký giáp ranh cho ông N, bà B để hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên, mà ra điều kiện muốn ông M ký giáp ranh phải cho ông M 17m đất. Quá trình hòa giải tại UBND phường Nghĩa Thành, ông M vẫn cho rằng diện tích đất tranh chấp trên là của vợ chồng ông M và không đồng ý ký giáp ranh. Nhận thấy ông Nguyễn Văn M đã lấn sang phần đất của vợ chồng ông N, bà B khoảng 1.095m², nên ông N, bà B khởi kiện yêu cầu ông M phải trả lại diện tích lấn chiếm này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Diện tích đất vợ chồng ông N, bà B khởi kiện có nguồn gốc là của gia đình ông M xin Xí nghiệp giống cây con vào năm 1985 để ở và sản xuất.

Đến năm 1995, vợ chồng ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 111, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.760m² theo Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02/QĐ-UB ngày 11/4/1995 của UBND huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk cũ.

Đến năm 1997, vợ chồng ông M cho ông Ngô Đình H1 và ông Ngô Đình K (*là anh, em ruột của ông N*) mượn 01 phần diện tích đất của gia đình ông để trồng cây ngắn ngày, diện tích khoảng 910m² đến 920m². Nhưng sau đó, ông Ngô Đình H1 và ông Ngô Đình K về quê và không trả đất cho gia đình ông M. Sau đó, ông N, bà B

trồng cây cà phê trên diện tích đất mà vợ chồng ông M cho ông H1, ông K mượn. Hiện nay ông N đã làm nhà, xây dựng công trình phụ trên đất.

Về phía diện tích đất của ông N, bà B, ông M cho rằng năm 1995 ông N, bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 117, diện tích là 2.610m² và một góc còn lại ở hướng N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà B thì ông M và bà H không đồng ý bởi vì nguồn gốc diện tích tranh chấp trên là của ông M và bà H.

Người làm chứng trình bày:

Ông Nguyễn Khắc T trình bày: Năm 1999, gia đình ông Tường đến sinh sống gần diện tích đất tranh chấp khoảng 100m. Khi đó đã có gia đình ông N, ông M sinh sống trước đó. Năm 1999, ông M và ông N đã trồng cà phê trên đất. Ông N có thuê ông Týong làm cỏ, cào bôn cà phê trên diện tích đất hiện nay ông N và ông M đang tranh chấp.

Ông Nguyễn Trọng N2 trình bày: Năm 1996, ông Nghĩa đến sinh sống tại thôn Nghĩa Tín, xã Quảng Thành (nay là tổ dân phố 9, phường Nghĩa Thành). Từ ngày ông N2 đến ở thì ông thấy ông N canh tác cà phê trên mảnh đất sát nhà ông M và ông N2 đã từng đi cào bôn thuê cho ông N vào năm 1997. Về nguồn gốc đất trước đó thì ông Nghĩa không rõ.

Ông Ngô Văn K trình bày: Năm 1997 ông K vào Đắc Nông làm phụ xe lấy gỗ, năm 1998 ông K có mua 01 lô rẫy có khoảng 700 cây cà phê của ông Thắng là cậu của bà Hoàng Thị B, đến cuối năm 1998 ông K không có nhu cầu sử dụng nên bán lại cho ông Thảo Trường, lô đất rẫy này ông Thảo Trường vẫn đang sử dụng. Đối với thửa đất đang tranh chấp giữa ông N, bà B với ông M thì ông K không biết, không có việc ông M cho ông K mượn đất, ông K không có sử dụng, canh tác gì trên thửa đất tranh chấp. Đến năm 1999, ông K về quê lấy vợ và sinh sống tại quê Hà Tĩnh. Về nguồn gốc đất tranh chấp như thế nào thì ông K không biết, khi vào Đắc Nông năm 1997 thì ông đã thấy đất hai bên đã có cà phê. Việc hai bên tranh chấp đất như thế nào thì ông không biết. Ông K đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông và không triệu tập ông tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Ngô Văn H1 trình bày: Đối với thửa đất đang tranh chấp giữa ông N, bà B với ông M thì ông H1 không biết, không có việc ông M cho ông H1 mượn đất, ông H1 không có sử dụng, canh tác gì trên thửa đất tranh chấp. Ông H1 có vào Đắc Nông chơi rồi về quê sinh sống tại Hà Tĩnh. Về nguồn gốc đất tranh chấp như thế nào thì ông H1 không biết. Việc hai bên tranh chấp đất như thế nào thì ông không biết. Ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông và không triệu tập ông tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Vũ Đình C trình bày: Ông nguyên là giám đốc của Xí nghiệp vào thời điểm năm 2012, (ông C là người ký xác nhận cho ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị H ngày 10/12/2012), ông trình bày ngày 10/12/2012, ông Chính có xác nhận trong đơn của ông M, bà H. Ông xác định đất của ông M, bà H sử dụng có nguồn gốc là trước đây thuộc quản lý của Xí nghiệp. Năm 1985, Xí nghiệp tách các hộ dân có gia đình ra ở riêng, không ở tập thể của Xí nghiệp nữa mà làm nhà trên một phần đất của Xí nghiệp. Khoảng năm 1993-1994, Xí nghiệp trả một phần diện tích đất của Xí nghiệp về cho địa phương quản lý, trong đó có diện tích đất do ông N, ông M hiện nay đang sử dụng.

Năm 2012, Xí nghiệp có xác nhận phần đất đối với ông Nguyễn Văn M hiện đang sử dụng không thuộc đất của Xí nghiệp quản lý. Về sơ đồ thửa đất là do ông M vẽ vào đơn xin xác nhận, Xí nghiệp không xác nhận diện tích đất của ông M là bao nhiêu, không xác nhận sơ đồ thửa đất ông M vẽ.

Năm 2013, Xí nghiệp có xác nhận phần đất của ông Ngô Đình N hiện đang sử dụng không thuộc đất của Xí nghiệp quản lý. Năm 2016 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có quyết định thu hồi giải thể Xí nghiệp, các giấy tờ tài liệu liên quan đến thửa đất trên được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 101, 202, 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đình N và bà Hoàng Thị B. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.271m² của ông Ngô Đình N và bà Hoàng Thị B (kèm theo sơ đồ đo đất). Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị H pH1 trả lại phần diện tích đất nêu trên. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M; phía N giáp đất ông Nguyễn Văn M; phía Bắc giáp đất ông Đào Đình H3.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, việc thu thập tài liệu chứng cứ không đúng theo quy định tại Điều 198 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS, cụ thể: Phần lớn các tài liệu, chứng

cứ đương sự giao nộp lag bản phô tô nhưng Thẩm phán không yêu cầu đương sự giao nộp bản gốc hoặc bản sao theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án được thụ lý từ năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2021 mới ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, sau đó ban hành quyết định hoãn phiên tòa 06 lần những trường hợp hoãn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, trong thời gian hoãn phiên tòa Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của đương sự, đến ngày mở lại phiên tòa Hội đồng xét xử đã ra quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh thêm tài liệu chứng cứ, khi hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa vì lý do tạm ngừng chưa được khắc phục nên HĐXX ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án là đúng, tuy nhiên trong thời gian tạm đình chỉ Thẩm phán vẫn tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 mới xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến vụ án kéo dài ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy cần nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 1090 m² có tứ cận: phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M; phía N giáp đất ông Nguyễn Văn M; phía Bắc giáp đất ông N, bà B.

[2.2] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Các đương sự đều khai và xác định đất có nguồn gốc xin của xí nghiệp giống cây con. Theo nguyên đơn cho rằng xin từ năm 1990 và trồng cây trên đất năm 1990. Bị đơn thì cho rằng đất của bị đơn xin của Xí nghiệp Giống cây con vào năm 1985, quá trình sử dụng chỉ trồng cây ngắn ngày. Đến năm 1997, bà H (vợ ông M) cho hai em ruột của ông N là ông Ngô Đình H1 và Ngô Đình K mượn một phần đất diện tích khoảng 910m² để sử dụng trồng rừng đến năm 1998 đi về quê mà không trả lại cho gia đình ông M nên ông N đã lấn chiếm trồng cà phê trên tàn bộ diện tích đất hiện nay đang tranh chấp và đến năm 2013 làm nhà trên đất. Ông K và ông H1 không thừa nhận việc mượn đất của gia đình ông M và xác định diện tích đang tranh chấp là đất của ông N, bà B khai hoang và đã trồng cà phê.

[2.3] Tài liệu chứng cứ thể hiện năm 2013 nguyên đơn kê khai cấp giấy CNQSD đất đến năm 2017 làm hồ sơ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn đã kê khai đối với thửa 782 có diện tích là 1391 m² nhưng do bị đơn không ký giáp ranh và cho rằng là đất của mình dẫn đến nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn nội dung như đã nêu ở trên. Qua quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự cũng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đều thể hiện nguyên đơn là người đang quản lý, sử dụng trồng cây cà phê và làm nhà trên đất từ trước đến nay. Như vậy, nguyên nhân

phát sinh tranh chấp và khởi kiện vụ án là do bị đơn không ký giáp ranh để cho nguyên đơn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất và bị đơn cho rằng đất của mình. Tuy nhiên, trên thực tế đất nguyên đơn đang quản lý, sử dụng, lẽ ra khi giải quyết vụ án với các tài liệu chứng cứ thu thập được Thẩm phán phải giải thích để nguyên đơn thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện cho đúng quy định của pháp luật. Trường hợp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì Tòa án phải bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại đất lấn chiếm mới đúng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả lại đất lấn chiếm trong khi toàn bộ diện tích đất tranh chấp nguyên đơn đang quản lý sử dụng là không thể thi hành án được. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho nguyên đơn là không đúng thẩm quyền và trái với quy định tại khoản 9 Điều 3 và khoản 3 Điều 17 Luật đất đai 2013. Tòa án chưa có quyền xác định ai là người có quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định pháp luật đất đai.

[2.4] Về việc xác minh thu thập chứng cứ: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cụ thể: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định năm 1995 các bên đều được nhà nước cấp giấy CNQSD đất đối với một phần diện tích mà các đương sự cho rằng có nguồn gốc khai hoang. Theo đó, vị trí, diện tích đất đang tranh chấp nguyên đơn đang quản lý sử dụng giáp ranh với phần đất nguyên đơn được cấp GCNQSD đất và quản lý sử dụng không có tranh chấp. Còn bị đơn cũng đang quản lý, sử dụng phần diện tích đất chưa được cấp GCNQSD đất giáp ranh diện tích đất đang tranh chấp nhưng nằm ngoài phần diện tích bị đơn được cấp năm 1995 thửa đất số 111, tờ bản đồ số 3.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thu thập tờ bản đồ địa chính số 3 đo đạc vào năm 1994 thể hiện có thửa 782, diện tích 1391 m² và hồ sơ kê khai cấp GCNQSD đất của nguyên đơn đối với thửa 782, lẽ ra cấp sơ thẩm phải phải xác minh sổ mục kê thửa số 782 ai kê khai? Vị trí đất nằm giữa thửa 782 và 111 mà bị đơn được cấp. Có giải thửa chưa? Do ai kê khai? loại đất gì? Kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ ngoài thực địa có diện tích 1.271m² có nằm trong toàn bộ thửa 782 hay một phần thửa 782 hoặc nằm vừa thuộc thửa 782 vừa thuộc thửa khác nhưng cấp sơ thẩm chưa yêu cầu cơ quan chuyển môn tiến hành so sánh, đối chiếu giữa vị trí, diện tích ngoài thực địa với giải thửa thể hiện trong bản đồ địa chính để xác định chính xác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đúng vị trí thửa 782 mà nguyên đơn đã kê khai cấp GCNQSD đất có trong hồ sơ vụ án hay không để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Ngoài ra, trong đơn khởi kiện nguyên đơn xác định có một cạnh giáp đất của nguyên đơn nhưng cấp sơ thẩm tuyên có một cạnh giáp ông H3, trong khi không có tài liệu chứng cứ nào xác định đất ông H3 sử dụng đất hợp pháp giáp ranh với đất tranh chấp và nguyên đơn không có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện là không đúng.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: đất thực tế là do nguyên đơn đang quản lý sử dụng nhưng do theo quy định của

pháp luật Tòa án không có quyền công nhận quyền sử dụng đất cho các nhân, tổ chức nên mới khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa đã có thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, theo biên bản phiên tòa nguyên đơn không thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện điều này phù hợp với nhận định của bản án sơ thẩm, do vậy quan điểm của luật sư là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định, phân tích nêu trên xét thấy việc thu thập tài liệu chứng cứ và chứng minh không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Xét kháng cáo của bị đơn và quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa để thụ lý và giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M.
2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Anh Ứng

